

BÁO CÁO

Điều chỉnh quyết toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2017

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Công văn số 3487/BTC-NSNN ngày 26/3/2019 của Bộ Tài chính về việc phối hợp hạch toán hoàn trả số rút vượt dự toán năm 2012.

Trên cơ sở các số liệu báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2017 đã được Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước Cà Mau đối chiếu, xác nhận, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 4.171.969.789.995 đồng.

Trong đó:

- Thu nội địa: 4.155.066.275.366 đồng;
- Thu thuế xuất nhập khẩu: 16.903.514.629 đồng.

2. Tổng thu cân đối ngân sách địa phương: 9.910.120.683.914 đồng.

Trong đó:

- Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 3.851.348.509.410 đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 4.980.536.984.168 đồng;
- Thu chuyển nguồn năm 2016 sang 2017: 988.742.910.588 đồng;
- Thu huy động đóng góp cơ sở hạ tầng: 25.842.599.047 đồng;
- Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 515.463.000 đồng;
- Thu kết dư ngân sách năm 2016: 63.134.217.701 đồng.

*** Phân ra từng cấp ngân sách: 9.910.120.683.914 đồng.**

- Ngân sách cấp tỉnh: 8.921.097.614.798 đồng;
- Ngân sách cấp huyện: 858.170.083.198 đồng;
- Ngân sách cấp xã: 130.852.985.918 đồng.

3. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương:	9.640.390.506.174 đồng.
- Chi ngân sách cấp tỉnh:	5.229.938.186.606 đồng;
<i>(Đã loại trừ chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện:</i>	<i>3.529.828.519.964 đồng).</i>
- Chi ngân sách cấp huyện:	3.436.155.048.345 đồng;
<i>(Đã loại trừ chi bổ sung cho ngân sách cấp xã:</i>	<i>871.880.289.518 đồng).</i>
- Chi ngân sách cấp xã:	974.297.271.223 đồng.
4. Kết dư ngân sách địa phương năm 2017 (2-3):	269.730.177.740 đồng.

Trong đó:

- Kết dư ngân sách cấp tỉnh:	161.330.908.228 đồng;
- Kết dư ngân sách cấp huyện:	79.963.265.299 đồng;
- Kết dư ngân sách cấp xã:	28.436.004.213 đồng.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2017

1. Thu ngân sách nhà nước

Năm 2017, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 4.171.969,79 triệu đồng, đạt 98,47% dự toán (4.237.000 triệu đồng). Trong đó: Thu nội địa 4.155.066,28 triệu đồng, đạt 100,92 % dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (4.117.000 triệu đồng); thu thuế xuất nhập khẩu 16.903,51 triệu đồng, đạt 14,09% dự toán (thực hiện đạt thấp so với dự toán là do các dự án lớn như: Điện gió Bạc Liêu, Nhà máy khí Cà Mau đã nhập khẩu hết lượng hàng hóa, máy móc thiết bị đầu tư tạo tài sản cố định nên nguồn thu xuất nhập khẩu giảm mạnh so với dự toán và so với cùng kỳ năm 2016); thu từ xổ số kiến thiết 780.591,42 triệu đồng, đạt 108,87% so với dự toán.

(Chi tiết theo Biểu mẫu số 48, 50 kèm theo).

*** Năm 2017, có 10 nguồn thu đạt và vượt dự toán, cụ thể:**

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Thực hiện 111.325 triệu đồng, đạt 139,2% dự toán, bằng 62,6% so thực hiện cùng kỳ. Đạt được kết quả trên là do Nhà thầu Posccor Engineering nộp thuế nhà thầu xây dựng cơ bản của Nhà máy khí hóa lỏng 93.811 triệu đồng.

- Lệ phí trước bạ: Thực hiện 152.534 triệu đồng, đạt 101,7% dự toán, tăng 5,2% so với thực hiện cùng kỳ. Đạt được kết quả trên là do thu từ lệ phí trước bạ xe mô tô, xe máy tăng cao, thị trường bất động sản có chiều hướng khởi sắc trở lại.

- Tiền sử dụng đất: Thực hiện 338.795,12 triệu đồng, đạt 338,8% so dự toán, tăng 47,5% so với thực hiện cùng kỳ. Số thu vượt cao so với dự toán là do Công ty Cổ phần Vincom Retail thực hiện nộp tiền sử dụng đất 88.156 triệu đồng và các huyện, thành phố đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cá nhân theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thuế bảo vệ môi trường: Thực hiện 325.932,60 triệu đồng, đạt 120,7% dự toán, tăng 32,1% so với thực hiện cùng kỳ. Đạt được kết quả trên là do từ tháng 05 năm 2017, Chi nhánh Công ty TNHH thương mại Long Hưng thực hiện kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường tại Cà Mau với số thu trên 90.151 triệu đồng.

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp: Thực hiện 10.220,55 triệu đồng, đạt 146% dự toán, bằng 68,3% so với thực hiện cùng kỳ. Đạt khá so dự toán là do các Chi cục Thuế tiến hành thống kê, rà soát lập bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp và thu nợ của các năm trước.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện 3.878,43 triệu đồng, đạt 129,3% dự toán, bằng 96,8% so với thực hiện cùng kỳ. Đạt khá so dự toán là do các Chi cục Thuế tiến hành thống kê, rà soát lập bộ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thu nợ của các năm trước.

- Phí và lệ phí: Thực hiện 83.061,40 triệu đồng, đạt 118,7% dự toán, tăng 65,7% so với thực hiện cùng kỳ. Đạt khá so với dự toán là do từ ngày 01/01/2017, thuế môn bài chuyển đổi sang lệ phí môn bài (chuyển từ thuế sang lệ phí) với số thu 18.961 triệu đồng.

- Thu khác ngân sách: Thực hiện 158.292,42 triệu đồng, đạt 137,65% so dự toán, tăng 42,3% so với thực hiện cùng kỳ. Đạt khá cao so với dự toán là do thu tiền phạt vi phạm an toàn giao thông đạt 49.252 triệu đồng; thu hồi các khoản chi năm trước.

- Thu tại xã: Thực hiện 26.089,22 triệu đồng, đạt 130,45% dự toán, tăng 9,2% so với thực hiện cùng kỳ. Đạt khá là do thu phạt hành chính tại xã được tính cân đối ngân sách.

- Thu xổ số kiến thiết: Thực hiện 780.591,42 triệu đồng, đạt 108,9% dự toán, tăng 14,3% so với thực hiện cùng kỳ.

*** Năm 2017, có 5 nguồn thu không đạt dự toán, cụ thể:**

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: Thực hiện 1.186.931,96 triệu đồng, đạt 81,63% dự toán, hụt thu 267.068 triệu đồng; trong đó, thu từ Cụm Dự án Khí - Điện - Đạm chiếm trên 29,8% tổng thu ngân sách trên địa bàn, năm 2017 thu được 1.075.847 triệu đồng, đạt 84,4% dự toán, hụt thu 198.153 triệu đồng. Thu đạt thấp là do Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam phân bổ lợi nhuận của 02 Nhà máy điện Cà Mau cho các Nhà máy điện khác trực thuộc; Công ty Điện lực dầu khí Cà Mau nhập thiết bị để sửa chữa, bảo trì nên khấu trừ thuế GTGT đầu vào rất lớn, thuế GTGT giảm trên 74.000 triệu đồng; giảm thu từ khí của Dự án PM3 và phí vận chuyển khí do sản lượng khí đạt thấp (giảm thu 11.224 triệu đồng); Công ty Viễn thông Cà Mau kê khai thuế GTGT tập trung tại trụ sở chính nên giảm thu trên 70.000 triệu đồng.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: Thực hiện 139.177,10 triệu đồng, đạt 95,98% dự toán, hụt thu 5.823 triệu đồng. Nguyên nhân đạt thấp là do từ tháng 06 năm 2017, Công ty Phân bón dầu khí Cà Mau hạch toán, chuyển đổi thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương sang khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh: Thực hiện 543.050,17 triệu đồng, đạt 90,51% dự toán, hụt thu 56.950 triệu đồng, tăng 18,9% so với thực hiện cùng kỳ. Nguyên nhân đạt thấp là do: Doanh nghiệp hoạt động chế biến xuất khẩu thủy sản thuộc diện phải hoàn thuế GTGT và ưu đãi thuế TNDN; còn lại khu vực thương mại và dịch vụ hầu hết là các doanh nghiệp, hộ kinh doanh quy mô nhỏ, lẻ, thuế phát sinh đạt thấp và đang có chiều hướng giảm doanh thu do các Chi nhánh của các Tổng Công ty, Tập đoàn mở rộng sản xuất kinh doanh và mở rộng thị phần trên địa bàn tỉnh (Sài Gòn Coopmart, hệ thống kinh doanh điện máy xanh, điện máy chợ lớn, các chi nhánh doanh nghiệp viễn thông Viettel, FPT,...), các chi nhánh này giá bán buôn và bán lẻ theo chuỗi kinh doanh nên thuế GTGT phát sinh kê khai nộp tại địa bàn tỉnh rất thấp và thuế TNDN khai nộp tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

- Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện 265.230,21 triệu đồng, đạt 92,74% dự toán năm, tăng 6,1% so với thực hiện cùng kỳ. Đạt thấp là do hộ gia đình, cá nhân có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống không thuộc diện nộp thuế, thu nhập từ đầu tư vốn giảm và người nộp thuế đăng ký giảm trừ gia cảnh tăng.

- Thu tiền thuê đất, mặt nước: Thực hiện 21.941,70 triệu đồng, đạt 21,94% dự toán, bằng 12,9% so với thực hiện cùng kỳ, hụt thu 78.058 triệu đồng. Đạt thấp so với dự toán và giảm so với thực hiện cùng kỳ là do không phát sinh dự án thuê đất mới và hầu hết các dự án đều thuộc diện ưu đãi, miễn, giảm tiền thuê đất.

2. Chi ngân sách địa phương

Năm 2017, tổng chi cân đối ngân sách 9.640.390,51 triệu đồng, đạt 121,01% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó, ngân sách cấp tỉnh chi 5.229.938,19 triệu đồng; ngân sách cấp huyện (bao gồm cấp xã) chi 4.410.452,32 triệu đồng.

(Chi tiết theo Biểu mẫu số 53 kèm theo).

*** Đánh giá các lĩnh vực chi:**

- Chi đầu tư phát triển 1.634.663,06 triệu đồng, đạt 111,98% dự toán (trong đó, chi bổ sung quỹ đầu tư phát triển 32.000 triệu đồng; chi trả nợ gốc và lãi vay 227.262,47 triệu đồng). Chi tăng so với dự toán là do điều chỉnh vốn trái phiếu Chính phủ từ ngân sách Trung ương quản lý thành số bổ sung vào quyết toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. Nhìn chung, chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 thực hiện đạt dự toán được giao, nhiều dự án, công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng, góp phần phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Chi thường xuyên 5.826.674,09 triệu đồng, đạt 105,83% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó, một số lĩnh vực chi cụ thể như sau:

+ Chi quốc phòng 139.901,12 triệu đồng, đạt 127,31% dự toán, tăng 4,09% so với thực hiện cùng kỳ. Chi tăng so với dự toán chủ yếu là hỗ trợ kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ; mua quân trang, dụng cụ đảm bảo cho tiểu đoàn dự bị động viên của tỉnh; khảo sát cắm biển báo khu vực biên giới biển, hỗ trợ kinh phí tìm kiếm cứu nạn,...

+ Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội 47.492,14 triệu đồng, đạt 127,63% dự toán, bằng 90,8% so với thực hiện cùng kỳ. Chi tăng so với dự toán chủ yếu là kinh phí thực hiện Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ; hỗ trợ kinh phí tuyên truyền giáo dục pháp luật; hỗ trợ kinh phí lắp đặt hệ thống camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh trật tự và hỗ trợ kinh phí xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 2.084.208,91 triệu đồng, chiếm 35,77% trên tổng chi thường xuyên, đạt 101,98% dự toán, tăng 9,8% so với thực hiện cùng kỳ. Chi tăng so với dự toán là do trong năm bổ sung mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường; chi hỗ trợ chi phí học tập và cấp bù học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; chi tăng lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ; chi các khoản phụ cấp được nâng bậc thường xuyên hàng năm như: Phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp ưu đãi, nâng bậc lương thường xuyên cho giáo viên.

+ Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ 27.892,28 triệu đồng, đạt 114,55% dự toán, bằng 50% so với cùng kỳ. Chi tăng so với dự toán là do thực hiện các nhiệm vụ từ kinh phí chuyển nguồn năm 2016 sang năm 2017 của các dự án, đề tài khoa học có thời gian thực hiện dài hạn.

+ Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình 696.479,75 triệu đồng, đạt 105,62% dự toán, bằng 94,97% so với thực hiện cùng kỳ. Chi tăng so với dự toán là do trong năm bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện Đa khoa Cà Mau với số tiền 12.817 triệu đồng; bổ sung kinh phí chi trả chênh lệch phụ cấp đặc thù theo Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ với số tiền 10.028 triệu đồng; bổ sung kinh phí hoạt động do tăng giường bệnh 4.610 triệu đồng và kinh phí tinh giản biên chế với số tiền 1.074 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp văn hoá 73.190,32 triệu đồng, đạt 147,55% dự toán, tăng 17,5% so với thực hiện cùng kỳ. Chi tăng so với dự toán là do trong năm bổ sung kinh phí di dời nhà kho Bảo tàng tỉnh, hỗ trợ kinh phí kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh, bổ sung kinh phí hoạt động cho Trung tâm Lưu trữ lịch sử.

+ Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình 21.312,68 triệu đồng, đạt 107,61% dự toán, tăng 6,3% so với thực hiện cùng kỳ. Chi tăng so với dự toán là do trong năm bổ sung kinh phí mua sắm, sửa chữa và kinh phí 20 năm tái lập tỉnh.

+ Chi sự nghiệp thể dục, thể thao 22.099,84 triệu đồng, đạt 93,45% dự toán, tăng 8% so với thực hiện cùng kỳ. Chi không đạt dự toán là do thực hiện tiết kiệm 10% hoạt động thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương.

+ Chi sự nghiệp hoạt động môi trường 75.088,07 triệu đồng, đạt 93,87% dự toán, tăng 13% so với thực hiện cùng kỳ. Chi không đạt dự toán là do một số nhiệm vụ, đề tài, dự án không thực hiện hoàn thành trong năm phải chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục thực hiện với số tiền 7.433,6 triệu đồng và tiết kiệm 10% hoạt động thường xuyên để làm lương.

+ Chi sự nghiệp kinh tế 981.428,32 triệu đồng, chiếm 16,84% trên tổng chi thường xuyên, đạt 91,93% dự toán, tăng 36,2% so với thực hiện cùng kỳ. Nguyên

nhân chi không đạt dự toán là do một số công trình, dự án đang triển khai thực hiện, không giải ngân hết trong năm 2017 phải chuyển nguồn sang năm 2018 thực hiện như: Đề án, dự án thuộc nhiệm vụ chi ngành Tài nguyên Môi trường quản lý 10.068 triệu đồng; duy tu, sửa chữa công trình giao thông 7.651 triệu đồng; lĩnh vực Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý 43.830 triệu đồng và một số nhiệm vụ được giao cho các huyện, thành phố Cà Mau quản lý như: Thủy lợi phí, kinh phí duy tu, sửa chữa công trình giao thông, kinh phí thực hiện Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ.

+ Chi quản lý hành chính 1.233.558,08 triệu đồng, chiếm 21,17% trong tổng chi thường xuyên, đạt 111,70% dự toán và bằng 98% so với thực hiện cùng kỳ. Chi tăng so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện cách tiền lương; kinh phí thực hiện chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ; bổ sung kinh phí chi trả cho chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

+ Chi đảm bảo xã hội 358.868,13 triệu đồng, đạt 155,23% dự toán, tăng 28,33% so với thực hiện cùng kỳ. Chi tăng so với dự toán là do chi thăm hỏi, tặng quà và hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán cho đối tượng chính sách; Trung ương bổ sung thực hiện chi trả cho các đối tượng chính sách như: Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hỗ trợ kinh phí trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng chính sách, an sinh xã hội, BHYT,...

+ Chi khác ngân sách 65.154,45 triệu đồng, đạt 118,07% dự toán, tăng 0,65% so với thực hiện cùng kỳ. Chi tăng so với dự toán là do trong năm bổ sung một số nhiệm vụ chi như: Mua sắm và nâng cấp trụ sở làm việc; hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp hệ thống mương, công thoát nước; hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng kiến thức cho Công an xã; hỗ trợ kinh phí trong công tác phối hợp hoạt động của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn; kinh phí in ấn phẩm thống kê; chi hỗ trợ mở rộng đường giao thông Trung tâm hành chính huyện; hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng công trình giao thông Trường Tiểu học Hưng Mỹ 1, huyện Cái Nước 3.000 triệu đồng.

+ Chi chương trình mục tiêu quốc gia và Trung ương hỗ trợ có mục tiêu 844.435,17 triệu đồng, đạt 133,52% dự toán giao. Chi vượt dự toán là do thực hiện kế hoạch vốn nước ngoài nguồn ngân sách Trung ương trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2017 cho các dự án đã giải ngân từ năm 2016 trở về trước; thanh toán hoàn thành các dự án từ nguồn kinh phí từ năm 2016 chuyển sang.

+ Chi nộp ngân sách cấp trên 30.135,46 triệu đồng, do các huyện nộp trả kinh phí thực hiện các mục tiêu đã hoàn thành nhưng còn thừa kinh phí về ngân sách cấp tỉnh theo quy định; một số mục tiêu do ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí nhưng trên địa bàn tỉnh không có phát sinh đối tượng thụ hưởng; ngân sách tỉnh hoàn trả số rút vượt dự toán năm 2012, với số tiền 26.965 triệu đồng

3. Chuyển nguồn ngân sách năm 2017

Chi chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018 thực hiện là 1.076.220,25 triệu đồng, trong đó: Chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh 868.431,33 triệu đồng; chuyển nguồn ngân sách cấp huyện 168.512,56 triệu đồng; chuyển nguồn ngân sách cấp xã 39.276,36 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Chuyên dự toán kinh phí tự chủ, kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 57.530,86 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ được ngân sách Trung ương bổ sung trong năm 128.234,73 triệu đồng. Trong đó, kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 được chuyển theo quy định là 105.068 triệu đồng (bao gồm một số chế độ, chính sách đang trong giai đoạn tiếp tục thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng, như: Kinh phí thực hiện chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số; kinh phí Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy; nguồn thủy lợi phí,...) và 23.166 triệu đồng được chuyển nguồn để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội theo quy định.

- Kinh phí nghiên cứu khoa học chuyển sang năm 2018 thực hiện là: 2.677,63 triệu đồng.

- Dự toán một số nội dung chi được xét chuyển 110.175,97 triệu đồng, cụ thể:

+ Dự toán được xét chuyển: 41.662,01 triệu đồng.

+ Tạm ứng được xét chuyển: 46.287,46 triệu đồng.

+ Cam kết chi được xét chuyển: 22.226,5 triệu đồng.

- Chuyển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công sang năm 2018 thực hiện 569.812,14 triệu đồng, trong đó:

+ Chuyển kế hoạch vốn đầu tư được phép kéo dài thời gian thực hiện 14.419 triệu đồng.

+ Nguồn vốn ODA giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước 17.921 triệu đồng; nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ 36.923 triệu đồng, do ngân sách Trung ương bổ sung trong năm được kéo dài thời gian thực hiện theo Luật Đầu tư công.

+ Chuyển nguồn vốn CTMTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững 14.276,1 triệu đồng.

+ Chuyển số tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán (tạm ứng theo hợp đồng) 486.273,04 triệu đồng.

Đối với số chi chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện, cấp xã thuộc các nội dung như: Chuyển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản; chuyển kinh phí thường xuyên (kinh phí tự chủ); một số chương trình mục tiêu nhận chuyển giao từ ngân sách cấp trên trong quý IV năm 2017, đã phê duyệt dự toán nhưng chưa giải ngân kịp trong năm 2017 nên chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục thực hiện.

4. Kết dư ngân sách địa phương năm 2017: 269.730,18 triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Đơn vị	Tổng số	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
1	Thành phố Cà Mau	3.593,53		92,72	3.500,82
2	Huyện Thới Bình	1.278,12		0	1.278,12
3	Huyện U Minh	3.451,55		2.164,38	1.287,16
4	Huyện Trần Văn Thời	70.668,57		66.759,25	3.909,32
5	Huyện Đầm Dơi	5.963,76		184,19	5.779,57
6	Huyện Cái Nước	6.347,94		65,42	6.282,52
7	Huyện Phú Tân	2.770,88		193,55	2.577,33
8	Huyện Năm Căn	3.912,94		3.183,36	729,58
9	Huyện Ngọc Hiển	10.411,97		7.320,40	3.091,57
Tổng cộng		269.730,18	161.330,91	79.963,27	28.436,00

- Kết dư ngân sách cấp tỉnh 161.330,91 triệu đồng, trong đó: Nguồn tăng thu xổ số kiến thiết là 63.591 triệu đồng; tăng thu tiền sử dụng đất là 98.910 triệu đồng; hụt thu trong cân đối là 1.179,09 triệu đồng.

- Kết dư ngân sách cấp huyện 79.963,27 triệu đồng, từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất, số dư dự phòng ngân sách cấp huyện, các khoản thu hồi dự toán của các đơn vị do chưa phân bổ.

- Kết dư ngân sách cấp xã 28.436,00 triệu đồng, từ nguồn thu cố định tại xã vượt so với dự toán giao.

Với sự nỗ lực, quyết tâm của cấp uỷ, chính quyền, mặt trận, đoàn thể và các ngành, các cấp đã vượt qua khó khăn để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ tài chính - ngân sách năm 2017; góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, phát triển các sự nghiệp văn hoá, y tế, giáo dục, ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh tình nhà.

Trên đây là báo cáo điều chỉnh quyết toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Phòng KT (Đ06.04);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quân



QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

Kèm theo Báo cáo số 125/BC-UBND ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán năm 2017	Quyết toán năm 2017	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	4.237.000	4.171.969,79	(65.030)	98,47
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	4.117.000	4.155.066,28	38.066	100,92
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	120.000	16.903,51	(103.096)	14,09
B	TỔNG NGUỒN THU NSDP	7.966.290	9.910.120,68	1.943.831	124,40
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	3.887.400	3.851.348,51	(36.051)	99,07
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.255.480	1.548.562,01	293.082	123,34
	- Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ %	2.631.920	2.302.786,50	(329.133)	87,49
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	3.828.890	4.980.536,98	1.151.647	130,08
	2.1. Bổ sung cân đối	3.196.428	3.196.428,00	-	100,00
	- Bổ sung cân đối ổn định	3.196.428	3.196.428,00	-	-
	2.2. Bổ sung có mục tiêu, CTMTQG	632.462	1.784.108,98	1.151.647	282,09
	- Bổ sung có mục tiêu	507.420	1.292.186,23	784.766	-
	- Bổ sung CTMT quốc gia	125.042	125.042,00	-	-
	- Bổ sung bằng nguồn vốn ngoài nước	-	366.880,76	366.881	-
3	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước	-	988.742,91	988.743	-
4	Thu huy động đầu tư	250.000	-	(250.000)	-
5	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-
6	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	-	515,46	515	-
7	Thu kết dư ngân sách năm 2016	-	63.134,22	63.134	-
8	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng	-	25.842,60	25.843	-
C	TỔNG CHI NSDP	7.966.290	9.640.390,51	1.674.101	121,01
1	Chi đầu tư phát triển	1.459.770	1.634.663,06	174.893	111,98
2	Chi thường xuyên	5.505.918	5.826.674,09	320.756	105,83
3	Chi chương trình mục tiêu cân đối NSDP	632.462	844.435,17	211.973	133,52
4	Chi trả nợ gốc và lãi vay theo quy định	226.220	227.262,47	1.042	100,46
5	Dự phòng	140.920	0,00	(140.920)	-
6	Nguồn làm lương	-	0,00	-	-
7	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000,00	-	100,00
8	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau	-	1.076.220,25	1.076.220	-
9	Chi nộp ngân sách cấp trên	-	30.135,46	30.135	-
D	KẾ DƯ NSDP (B-C)	-	269.730,18	-	-



QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 125/BC-UBND ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

NỘI DUNG	Dự toán năm 2017	Quyết toán thu NSNN 2017	Quyết toán thu NS địa phương 2017	So sánh QT/DT (%)	
				(4)=(2)/(1)	(5)=(3)/(1)
A	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)/(1)	(5)=(3)/(1)
TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D+E)	4.237.000	14.635.105,77	9.910.120,68	345,41	233,89
A/- TỔNG THU CĐ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4.237.000	4.197.812,39	3.877.191,11	99,08	91,51
I/- Thu nội địa	4.117.000	4.155.066,28	3.851.348,51	100,92	93,55
I/- Thu từ DNNN trung ương	1.454.000	1.186.931,96	1.186.909,38	81,63	81,63
1.1- Thuế giá trị gia tăng hàng SXKD trong nước	1.113.070	899.855,59	899.855,59	80,84	80,84
1.2- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	-	-	-	-	-
1.3- Thuế thu nhập doanh nghiệp	340.000	285.646,50	285.646,50	84,01	84,01
1.4- Thu nhập sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-
1.5- Thuế tài nguyên	800	1.392,25	1.392,25	174,03	174,03
1.6- Thuế môn bài	-	0,50	0,50	-	-
1.7- Thu sử dụng vốn ngân sách	-	-	-	-	-
1.8- Thu khác	130	37,12	14,54	28,55	11,19
2/- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	145.000	139.177,10	139.176,83	95,98	95,98
2.1- Thuế giá trị gia tăng hàng SXKD trong nước	83.700	52.250,08	52.250,08	62,43	62,43
2.2- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	800	813,55	813,55	101,69	101,69
2.3- Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.000	49.388,26	49.388,26	89,80	89,80
2.4- Thu nhập sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	21.289,20	21.289,20	-	-
2.5- Thuế tài nguyên	5.200	6.748,54	6.748,54	129,78	129,78
2.6- Thuế môn bài	-	10,00	10,00	-	-
2.7- Thu sử dụng vốn ngân sách	-	-	-	-	-
2.8- Thu khác	300	8.677,47	8.677,20	2.892,49	2.892,40
3/- Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	80.000	111.325,40	111.308,93	139,16	139,14
3.1- Thuế giá trị gia tăng hàng SXKD trong nước	73.950	94.987,96	94.987,96	128,45	128,45
3.2- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.000	16.090,88	16.090,88	268,18	268,18
3.3- Thuế môn bài	-	-	-	-	-
3.4- Tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	50	226,34	226,34	452,67	452,67
3.5- Thuế tài nguyên	-	3,75	3,75	-	-
3.6- Thu khác	-	16,47	-	-	-
4/- Thu từ khu vực CTN - ngoài quốc doanh	600.000	543.050,17	541.795,86	90,51	90,30

NỘI DUNG	Dự toán năm 2017	Quyết toán thu NSNN 2017	Quyết toán thu NS địa phương 2017	So sánh QT/DT (%)	
				(4)=(2)/(1)	(5)=(3)/(1)
<i>A</i>	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)/(1)	(5)=(3)/(1)
4.1- Thuế giá trị gia tăng hàng SXKD trong nước	476.864	379.860,64	379.860,64	79,66	79,66
4.2- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	1.596	2.099,21	1.154,81	131,53	72,36
4.3- Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.100	136.261,11	136.261,11	137,50	137,50
4.4- Thuế tài nguyên	3.710	4.643,87	4.643,87	125,17	125,17
4.5- Thuế môn bài	-	174,56	174,56	-	-
4.6- Thu khác	18.730	20.010,78	19.700,88	106,84	105,18
5/- Lệ phí trước bạ	150.000	152.533,78	152.533,78	101,69	101,69
6/- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	7.000	10.220,55	10.220,55	146,01	146,01
7/- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000	3.878,43	3.878,43	129,28	129,28
8/- Thuế thu nhập cá nhân	286.000	265.230,21	265.230,21	92,74	92,74
9/- Thuế bảo vệ môi trường	270.000	325.932,60	121.246,93	120,72	44,91
10/- Thu phí, lệ phí	70.000	83.061,40	62.838,05	118,66	89,77
10.1- Phí, lệ phí Trung ương	-	20.427,84	204,50	-	-
10.2- Phí, lệ phí Địa phương	-	62.633,55	62.633,55	-	-
11/- Thu tiền sử dụng đất	100.000	338.795,12	338.795,12	338,80	338,80
12/- Thu tiền thuê đất, mặt nước	100.000	21.941,70	21.941,70	21,94	21,94
13/- Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	5.144,24	5.122,69		
14/- Thu khác ngân sách	115.000	158.292,42	80.798,86	137,65	70,26
15/- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		1.357,84	1.357,84		
16/- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	717.000	780.591,42	780.591,42	108,87	108,87
17/- Thu tại xã	20.000	26.089,22	26.089,22	130,45	130,45
17.1- Thu tiền cho thuê quầy hàng, bán hàng	-	18,00	18,00	-	-
17.2- Thu hồi các khoản chi năm trước (xã)	-	416,85	416,85	-	-
17.3- Thu phạt, tịch thu (xã)	-	17.980,34	17.980,34	-	-
<i>Trong đó: Phạt an toàn giao thông</i>	-	3.750,13	3.750,13	-	-
17.4- Thu khác (xã)	-	7.674,03	7.674,03	-	-
18/- Các khoản thu về nhà, đất và khoáng sản	-	1.512,72	1.512,72	-	-
13.1- Thu thuế chuyển quyền sử dụng đất	-	1.422,69	1.422,69	-	-
13.2- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	90,03	90,03	-	-
II/- Thu hải quan	120.000	16.903,51	0,00	14,09	0,00
1/- Thuế xuất khẩu	-	0,00	0,00	-	-
2/- Thuế nhập khẩu	-	1.997,82	0,00	-	-
3/- Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan hải quan thực hiện	-	47,88	0,00	-	-
4/- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	14.580,69	0,00	-	-
5/- Khác	-	277,12	0,00	-	-
III/- Thu viện trợ	-	0,00	0,00	-	-
IV/- Các khoản huy động, đóng góp	-	25.842,60	25.842,60	-	-

	Dự toán năm 2017	Quyết toán thu NSNN 2017	Quyết toán thu NS địa phương 2017	So sánh QT/DT (%)	
				(4)=(2)/(1)	(5)=(3)/(1)
	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)/(1)	(5)=(3)/(1)
1/- Các khoản huy động đồng góp xây dựng cơ sở hạ tầng	-	23.914,06	23.914,06	-	-
2/- Các khoản huy động đồng góp khác	-	1.928,54	1.928,54	-	-
V/- Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	-
1/- Thu từ bán cổ phần, vốn góp của Nhà nước nộp ngân sách	-	-	-	-	-
B/- THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	-	-	-	-	-
C/- THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	-	9.385.416,26	4.981.052,45	-	-
I/- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0,00	9.382.245,79	4.980.536,98		
1/- Bổ sung cân đối		6.217.781,64	3.196.428,00		
2/- Bổ sung có mục tiêu	0,00	3.164.464,16	1.784.108,98		
2.1/- Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước		2.797.583,40	1.417.228,23		
2.2/- Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước		366.880,76	366.880,76		
II/- Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		3.170,46	515,46		
D/- THU CHUYỂN NGUỒN	-	988.742,91	988.742,91	-	-
E/- THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH	-	63.134,22	63.134,22	-	-




QUYẾT TOÁN CHI NSDP, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 125/BC-UBND ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán năm 2017	Bao gồm		Quyết toán năm 2017	Bao gồm		So sánh QT/DT (%)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện (xã)		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện (xã)	NSDP	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện (xã)
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.966.290	4.686.119	3.280.171	9.640.390,51	5.229.938,19	4.410.452,32	121,01	111,60	134,46
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	7.333.828	4.053.657	3.280.171	7.719.735,08	3.626.176,29	4.093.558,79	105,26	89,45	124,80
1	Chi đầu tư phát triển	1.459.770	1.232.770	227.000	1.634.663,06	1.218.591,32	416.071,74	111,98	98,85	183,29
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực	-	-	-	1.602.663,06	1.186.591,32	416.071,74	-	-	-
1.1	Chi quốc phòng	-	-	-	39.739,65	39.739,65	-	-	-	-
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	-	-	-	19.715,27	19.715,27	-	-	-	-
1.3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	-	-	197.179,29	63.750,91	133.428,38	-	-	-
1.4	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-	754,53	754,53	-	-	-	-
1.5	Chi y tế, dân số và gia đình	-	-	-	225.791,24	225.769,16	22,08	-	-	-
1.6	Chi văn hóa thông tin	-	-	-	34.157,59	27.887,71	6.269,88	-	-	-
1.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-	-	590,73	590,73	-	-	-	-
1.8	Chi thể dục thể thao	-	-	-	1.094,42	-	1.094,42	-	-	-
1.9	Chi bảo vệ môi trường	-	-	-	1.102,14	1.102,14	-	-	-	-

STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán năm 2017	Bao gồm		Quyết toán năm 2017	Bao gồm		So sánh QT/DT (%)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện (xã)		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện (xã)	NSDP	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện (xã)
A	B	I=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
1.10	Chi các hoạt động kinh tế	-	-	-	763.597,30	513.250,28	250.347,02	-	-	-
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể	-	-	-	240.071,67	215.161,71	24.909,96	-	-	-
1.12	Chi bảo đảm xã hội	-	-	-	24.438,36	24.438,36	-	-	-	-
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác	-	-	-	54.430,86	54.430,86	-	-	-	-
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công ích,...	-	-	-	32.000,00	32.000,00	-	-	-	-
3	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Chi trả nợ gốc và lãi vay theo quy định	226.220	226.220	-	227.262,47	227.262,47	-	100,46	100,46	-
III	Chi thường xuyên	5.505.918	2.517.064	2.988.854	5.826.674,09	2.149.702,50	3.676.971,58	105,83	85,41	123,02
1	Chi quốc phòng	109.888	36.327	73.561	139.901,12	45.230,46	94.670,66	127,31	124,51	128,70
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	37.211	15.641	21.570	47.492,14	14.632,67	32.859,46	127,63	93,55	152,34
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.043.669	348.295	1.695.374	2.084.208,91	362.357,91	1.721.851,00	101,98	104,04	101,56
4	Chi khoa học và công nghệ	24.350	18.386	5.964	27.892,28	22.954,02	4.938,26	114,55	124,85	82,80
5	Chi y tế, dân số và gia đình	659.397	495.070	164.327	696.479,75	523.712,07	172.767,68	105,62	105,79	105,14
6	Chi văn hóa thông tin	49.603	28.890	20.713	73.190,32	45.391,52	27.798,80	147,55	157,12	134,21
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	19.806	7.000	12.806	21.312,68	9.719,98	11.592,70	107,61	138,86	90,53
8	Chi thể dục thể thao	23.650	13.227	10.423	22.099,84	12.393,09	9.706,75	93,45	93,70	93,13
9	Chi bảo vệ môi trường	79.995	34.826	45.169	75.088,07	29.252,78	45.835,29	93,87	84,00	101,48
10	Chi các hoạt động kinh tế	1.067.598	834.406	233.192	981.428,32	563.124,20	418.304,12	91,93	67,49	179,38
11	Chi hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể	1.104.382	447.866	656.516	1.233.558,08	443.111,47	790.446,61	111,70	98,94	120,40
12	Chi bảo đảm xã hội	231.185	211.064	20.121	358.868,13	45.776,36	313.091,78	155,23	21,69	1.556,04
13	Chi khác	55.185	26.067	29.118	65.154,45	32.045,96	33.108,49	118,07	122,94	113,70
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000		1.000,00	1.000,00		100,00	100,00	-

STT	 NỘI DUNG CHI	Dự toán năm 2017	Bao gồm		Quyết toán năm 2017	Bao gồm		So sánh QT/DT (%)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện (xã)		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện (xã)	NSĐP	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện (xã)
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
V	Dự phòng ngân sách	140.920	76.603	64.317	-	-	-	-	0,00	-
VI	Chi nộp ngân sách cấp trên				30.135,46	29.620,00	515,46	-	-	-
VII	Chi nguồn làm lương	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	632.462	632.462		844.435,17	735.330,57	109.104,60	133,52	116,26	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	125.042	125.042		121.394,31	12.289,71	109.104,60	97,08	9,83	-
1.1	Chương trình giảm nghèo bền vững	-	-	-	33.027,92	1.492,42	31.535,51	-	-	-
1.2	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	-	-	-	86.257,85	8.994,18	77.263,67	-	-	-
1.3	Chương trình mục tiêu giáo dục và đào tạo	-	-	-	427,76	174,38	253,38	-	-	-
1.4	Chương trình MTQG Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	-	-	-	43,85	43,24	0,61	-	-	-
1.5	Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa	-	-	-	10,44	10,44	-	-	-	-
1.6	Chương trình MTQG về việc làm và dạy nghề	-	-	-	1.575,06	1.575,06	-	-	-	-
1.7	Chương trình HT đảm bảo CL giáo dục trường học	-	-	-	16,64	0,00	16,64	-	-	-
1.8	Chương trình mục tiêu quốc gia y tế	-	-	-	34,81	0,00	34,81	-	-	-
2	Một số mục tiêu, nhiệm vụ khác	507.420	507.420	-	723.040,86	723.040,86	0,00	142,49	142,49	-
	<i>Trong đó: Ghi chi nguồn vốn ODA</i>				537.700,06	537.700,06	-	-	-	-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	-		1.076.220,25	868.431,33	207.788,93	-	-	-